

Số: TVHN-260/DBQG

Hà Nội, ngày 17 tháng 9 năm 2026

## BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN NGẮN

### I. Diễn biến xu thế thủy văn

#### 1. Lưu vực sông Hồng

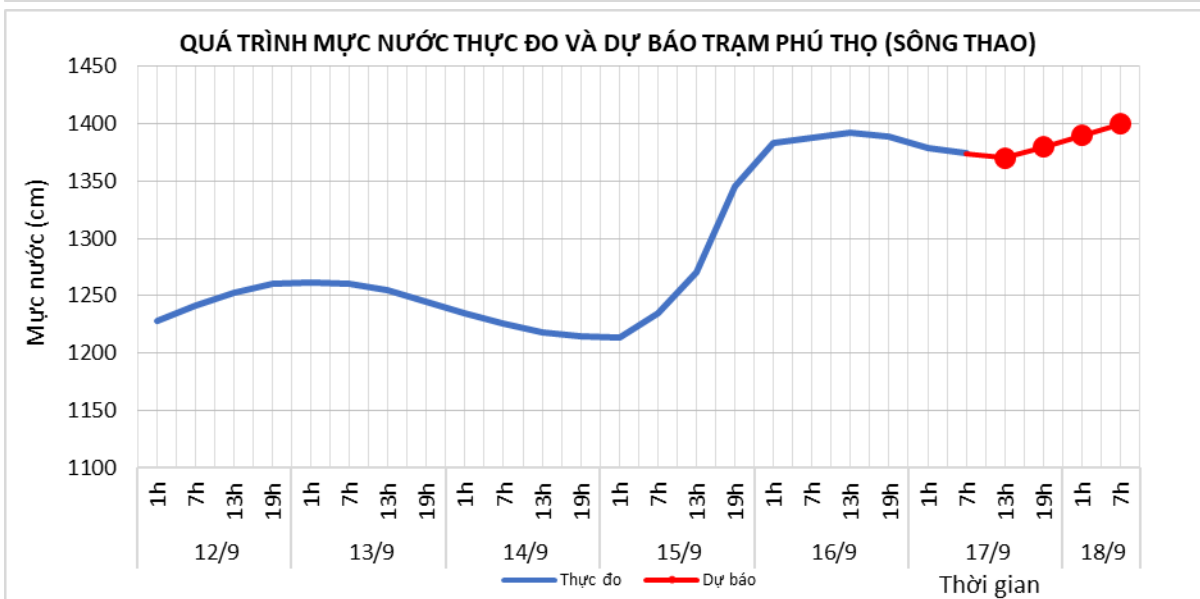
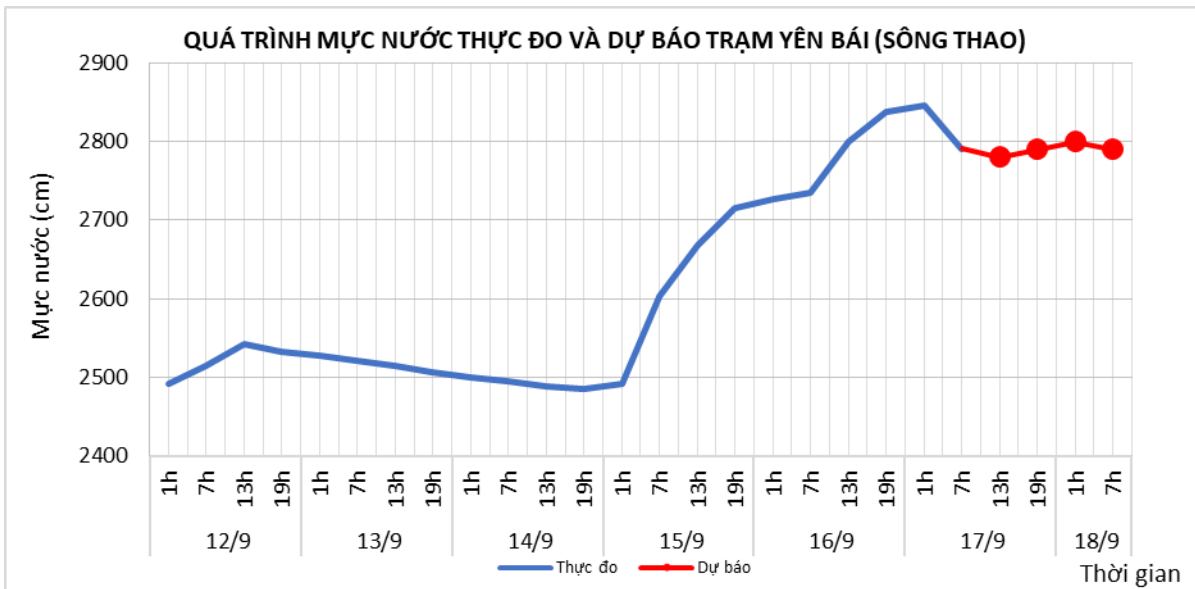
##### 1.1. Sông Thao

###### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Trên sông Thao, mực nước tại trạm Yên Bái, trạm Phú Thọ đang biến đổi chậm.

###### b. Dự báo, cảnh báo

Trên sông Thao, mực nước tại trạm Yên Bái, trạm Phú Thọ tiếp tục biến đổi chậm.



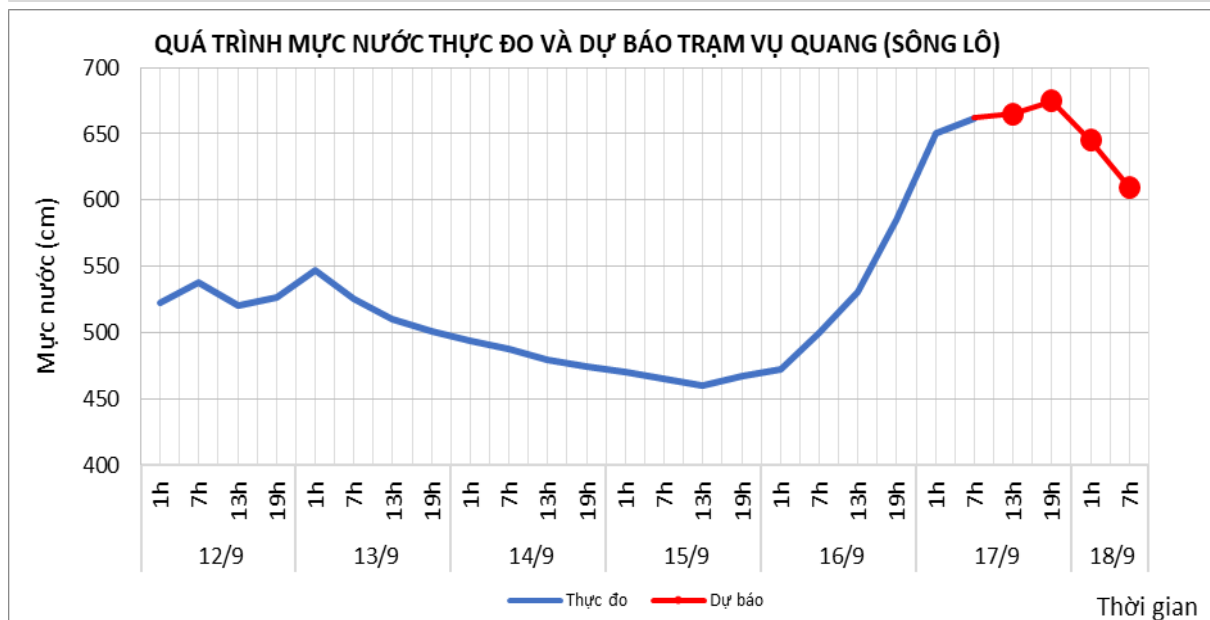
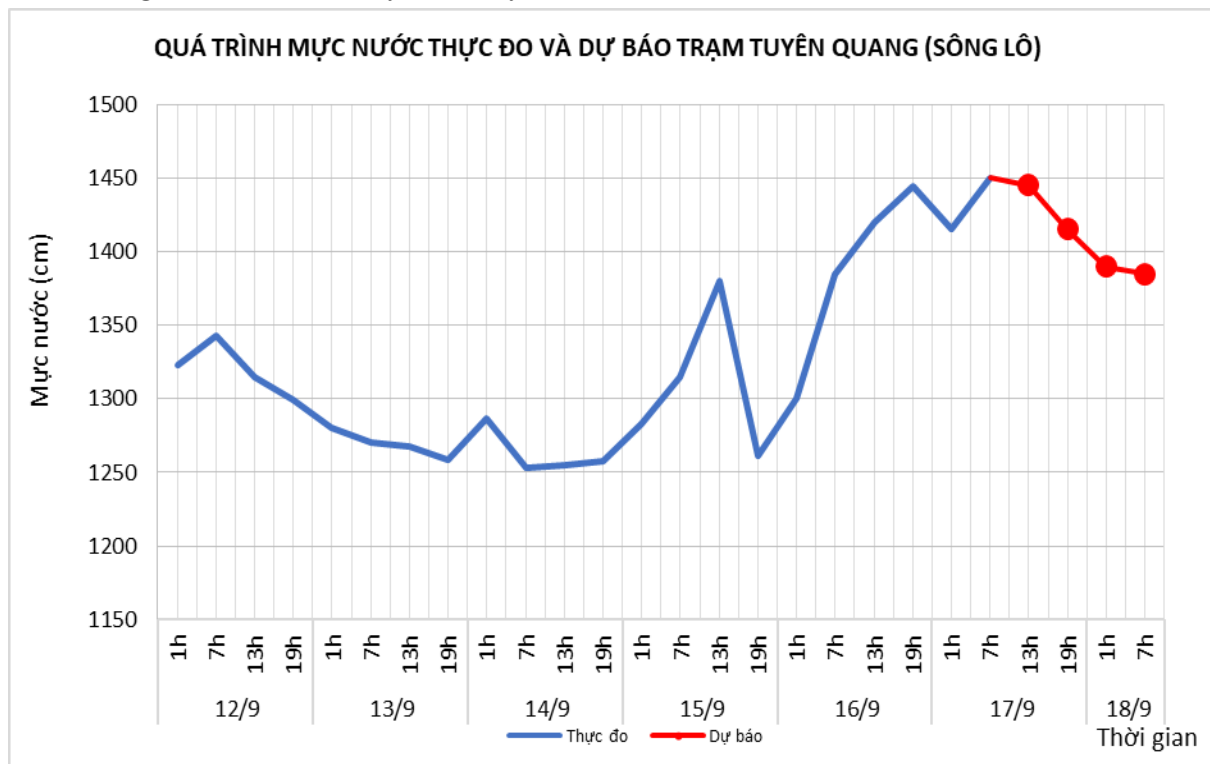
## 1.2. Sông Lô

### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Trên sông Lô, mực nước tại trạm Tuyên Quang, trạm Vụ Quang đang lên do hồ Tuyên Quang và hồ Thác Bà tăng cường phát điện.

### b. Dự báo, cảnh báo

Hạ lưu sông Lô, mực nước tại trạm Tuyên Quang, trạm Vụ Quang sẽ dao động theo ảnh hưởng điều tiết của thủy điện tuyến trên.



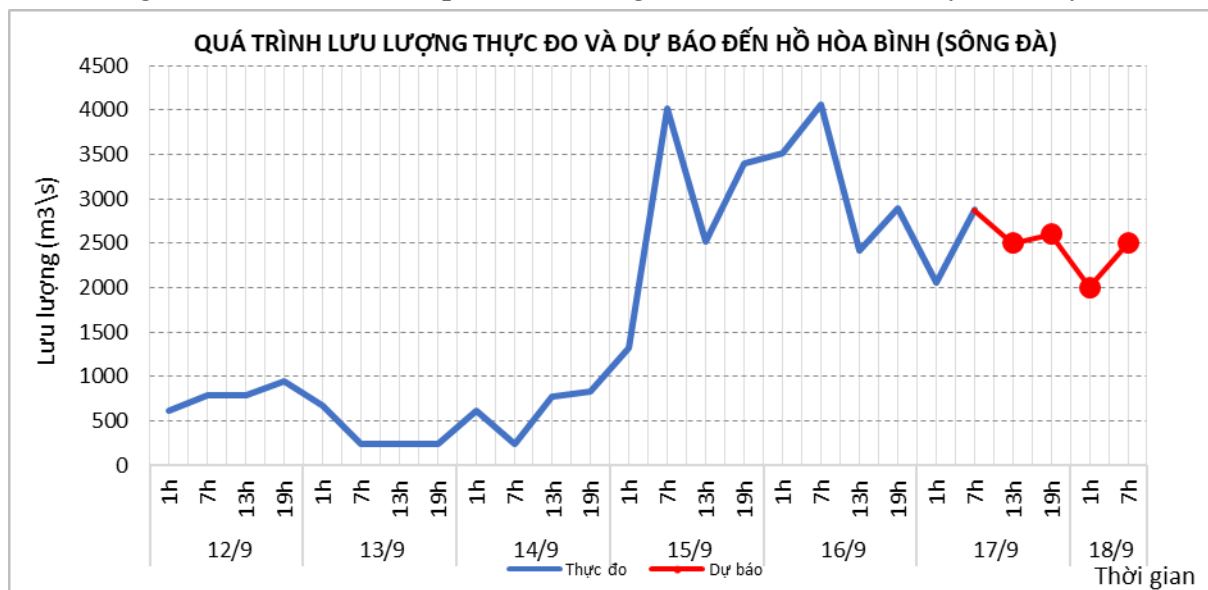
## 1.3. Sông Đà

### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Lưu lượng đến hồ Hòa Bình tăng do điều tiết của thủy điện tuyến trên.

### b. Dự báo, cảnh báo

Lưu lượng đến hồ Hòa Bình tiếp tục dao động theo điều tiết của thủy điện tuyến trên.



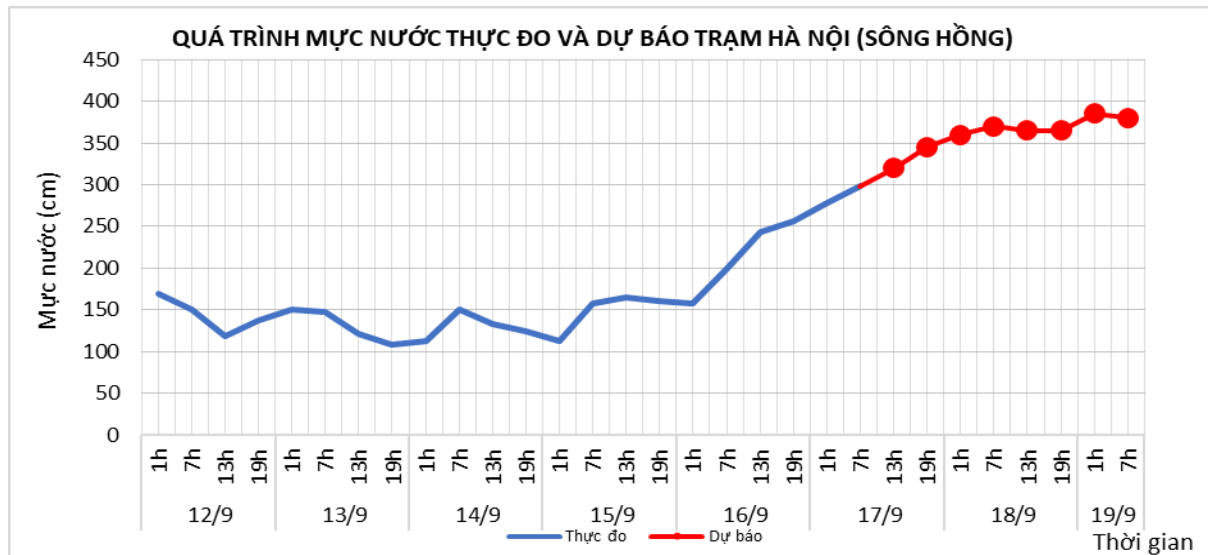
## 1.4. Sông Hồng

### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước hạ lưu sông Hồng đang lên do ảnh hưởng mưa trên lưu vực. Mức nước tại trạm thủy văn Hà Nội lúc 7h ngày 17/09 là 2,98m.

### b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước hạ lưu sông Hồng tại trạm thủy văn Hà Nội sẽ tiếp tục dao động theo xu thế lên.



## 2. Lưu vực sông Thái Bình

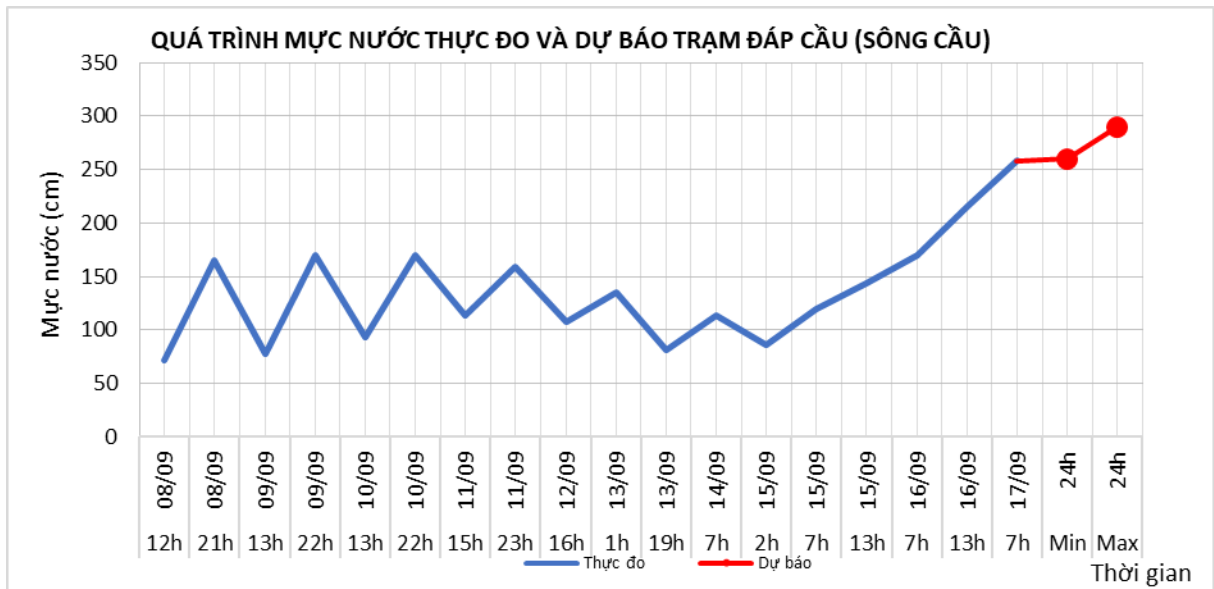
### 2.1. Sông Cầu

#### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Cầu tại trạm Đáp Cầu đang dao động theo xu thế lên.

#### b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Cầu tại trạm Đáp Cầu tiếp tục dao động theo xu thế lên.



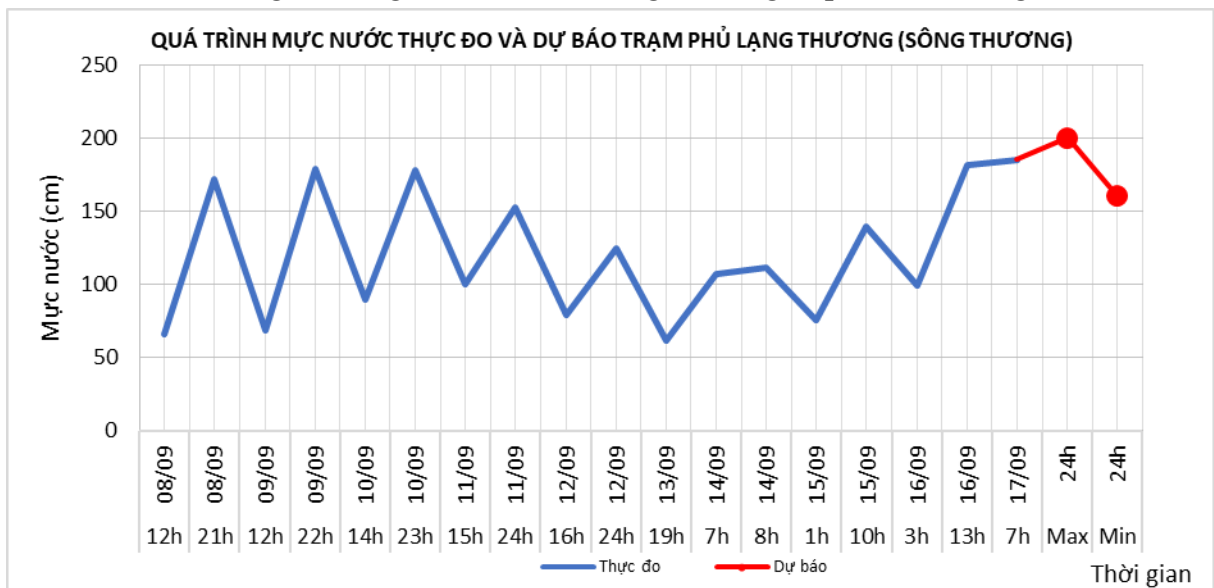
## 2.2. Sông Thương

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Thương tại trạm Phủ Lạng Thương đang dao động theo thủy triều.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Thương tại trạm Phủ Lạng Thương tiếp tục dao động.



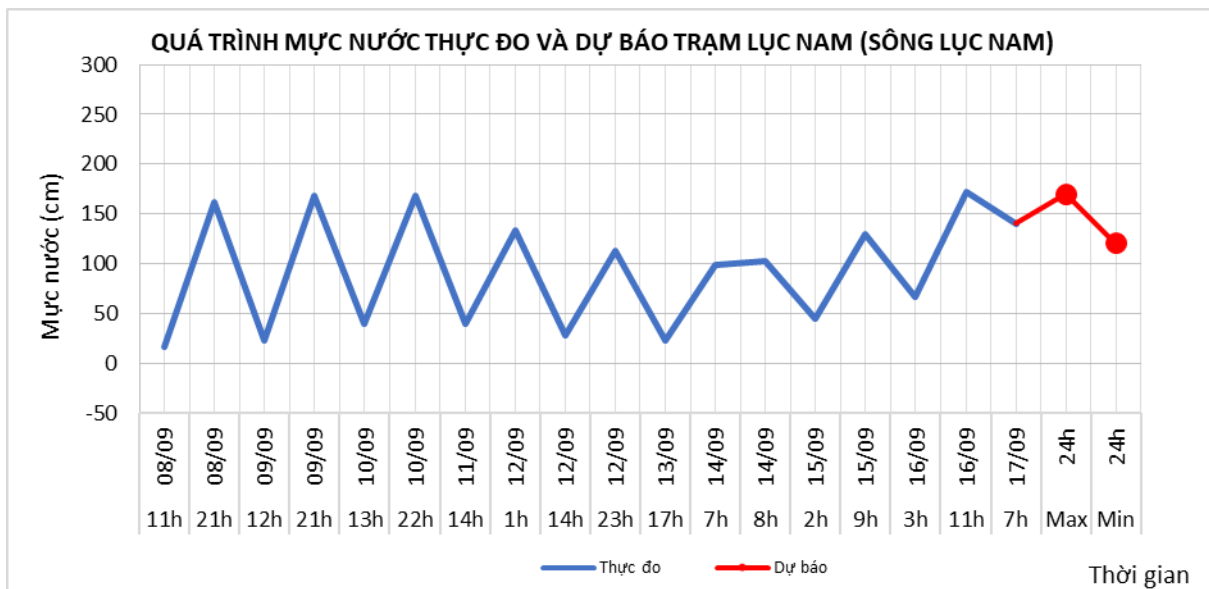
## 2.3. Sông Lục Nam

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Lục Nam tại trạm Lục Nam đang dao động theo thủy triều.

b. Dự báo, cảnh báo

Trong 24 giờ tới, mức nước trên sông Lục Nam tại trạm Lục Nam tiếp tục dao động theo triều.



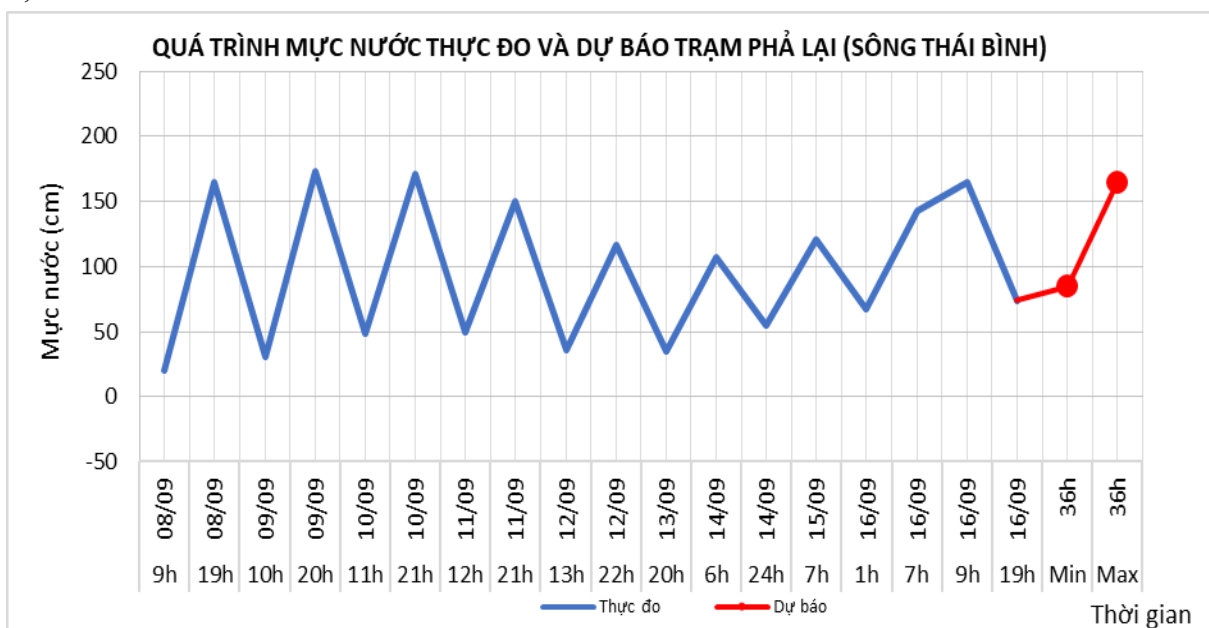
## 2.4. Sông Thái Bình

### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Thái Bình tại trạm Phả Lại đang dao động theo thủy triều.

### b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Thái Bình tại trạm Phả Lại tiếp tục dao động theo thủy triều. Trong 36h tới, mức nước tại trạm Phả Lại dự báo cao nhất là 1,65m; thấp nhất là 0,85m.



**Cảnh báo:** Trong 24 giờ tới, lũ sông Hoàng Long, sông Đáy, hạ lưu sông Bưởi biến đổi chậm và ở mức cao trên BĐ3.

## 3. Các lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ

### 3.1. Sông Mã

#### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

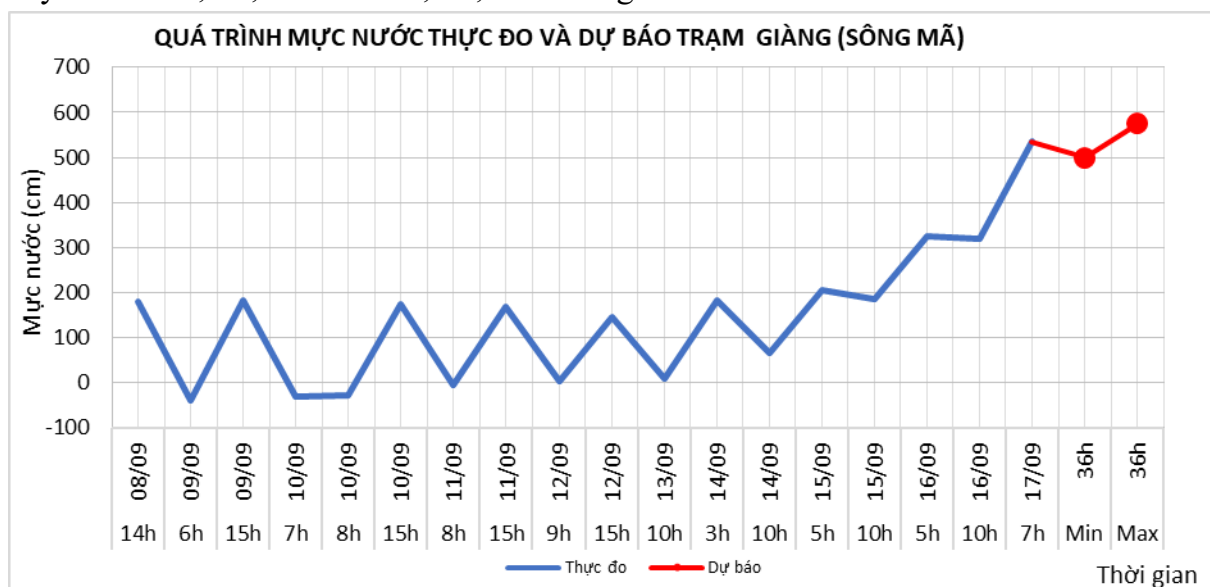
Tối và đêm qua (16/9), lũ trên trung, thượng lưu sông Mã đã đạt đỉnh; mức nước đỉnh

lũ tại trạm Cẩm Thủy 19,47m (19h/16/9) trên BĐ2 0,47m, sông Mã tại trạm Lý Nhân 10,46m (0h/17/9), dưới BĐ2 0,54m. Sáng nay, lũ hạ lưu sông Mã đang lên, mực nước lúc 7h/17/9, trên sông Mã tại Giàng 5,35m, dưới BĐ2 0,15m.

#### b. Dự báo, cảnh báo

Mực nước thượng lưu sông Mã biến đổi chậm, trung lưu sông Mã khả năng lên lại, hạ lưu sông Mã tiếp tục lên, khả năng đạt đỉnh vào đêm nay ở mức 5,75m, sau xuống.

**Cảnh báo:** Mực nước hạ lưu sông Bưởi tiếp tục lên, khả năng đạt đỉnh vào chiều tối nay ở mức 13,2m, trên BĐ3 1,2m, sau xuống.



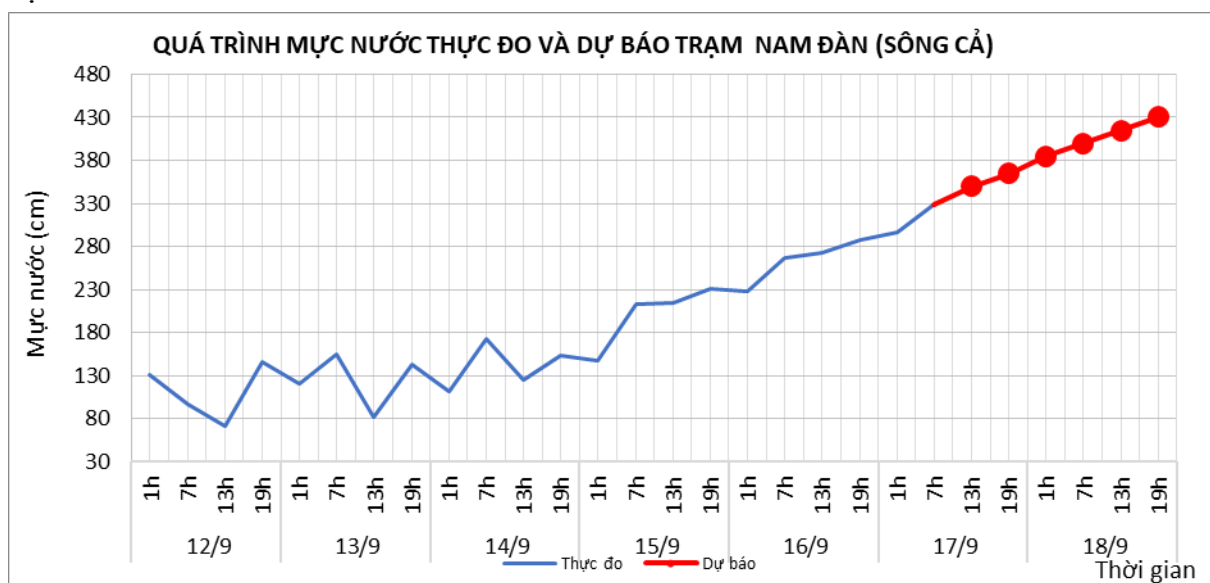
### 3.2. Sông Cả

#### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mực nước sông Cả đang lên.

#### b. Dự báo, cảnh báo

Mực nước sông Cả tiếp tục lên, trung, thượng lưu sông Cả dao động ở mức BĐ1-BĐ2, hạ lưu còn ở dưới mức BĐ1.



### 3.3. Sông La

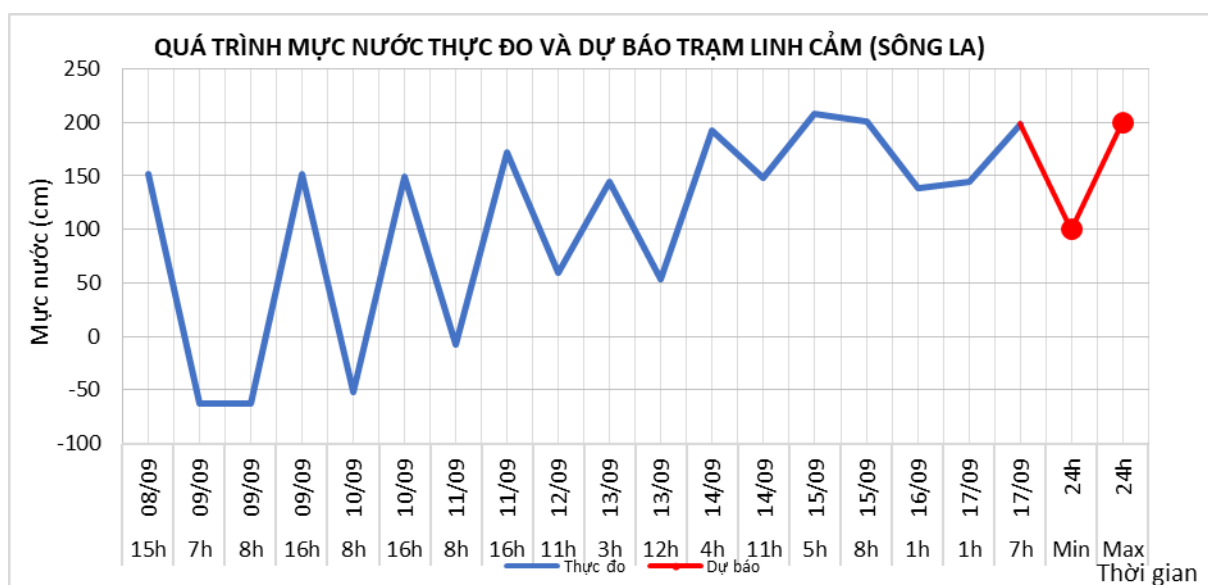
#### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước sông Ngàn Sâu, Ngàn Phố đang xuống, hạ lưu sông La có dao động.

Các sông khác: Tối qua (16/09), lũ thượng lưu sông Bưởi đã đạt đỉnh tại trạm Thạch Quảng 17,07m (20h/16/09), trên BĐ3 1,07m. Sáng nay (17/09), lũ thượng lưu sông Bưởi dao động ở trên mức BĐ3, hạ lưu sông Bưởi đang lên. Mức nước lúc 07h/17/9, tại trạm Kim Tân 12,88m, trên BĐ3 0,88m.

#### b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước sông Ngàn Sâu, Ngàn Phố tiếp tục xuống, hạ lưu sông La có dao động.



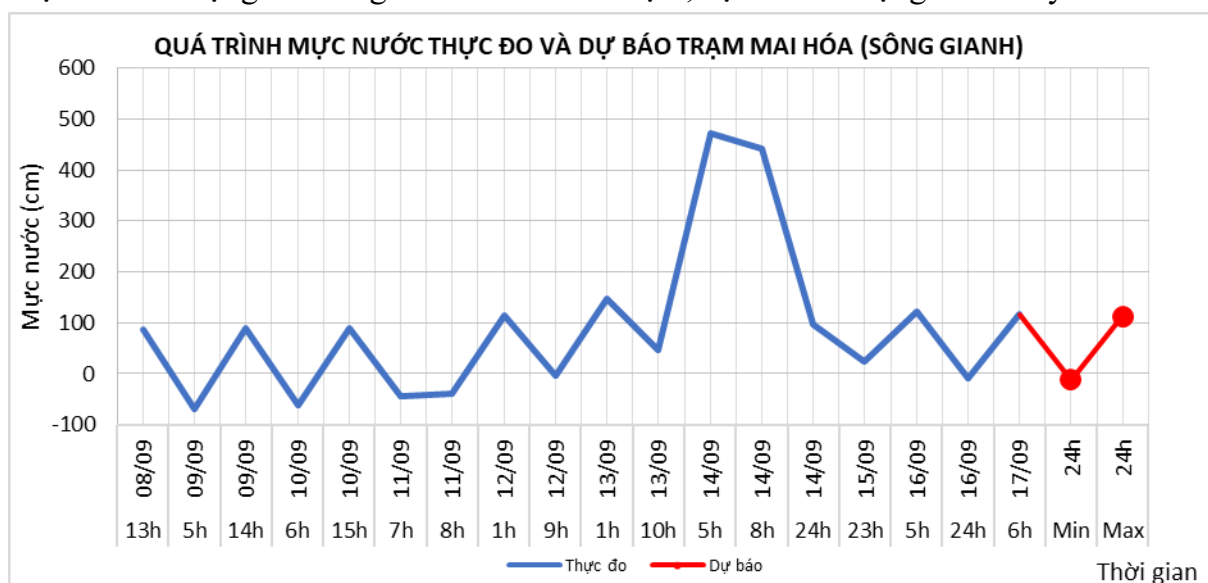
### 3.4. Sông Gianh

#### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước thượng lưu sông Gianh biến đổi chậm, hạ lưu dao động theo thủy triều.

#### b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước thượng lưu sông Gianh biến đổi chậm, hạ lưu dao động theo thủy triều.



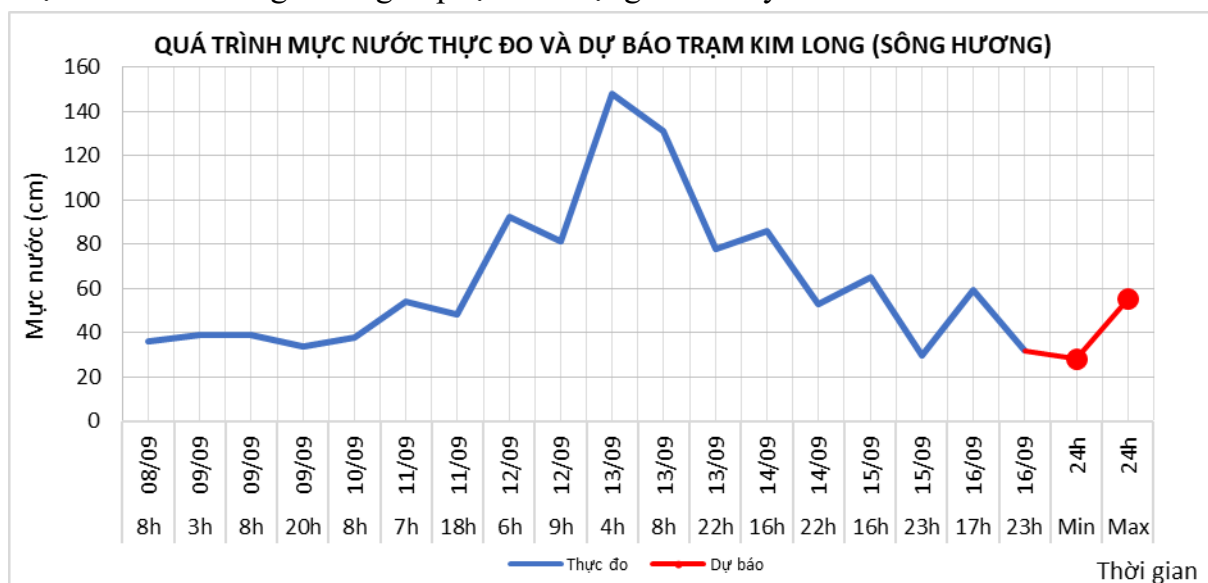
### 3.5. Sông Hương

#### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Hương đang dao động theo thủy triều.

*b. Dự báo, cảnh báo*

Mực nước trên sông Hương tiếp tục dao động theo thủy triều.



#### 4. Các lưu vực sông thuộc khu vực Nam Trung Bộ

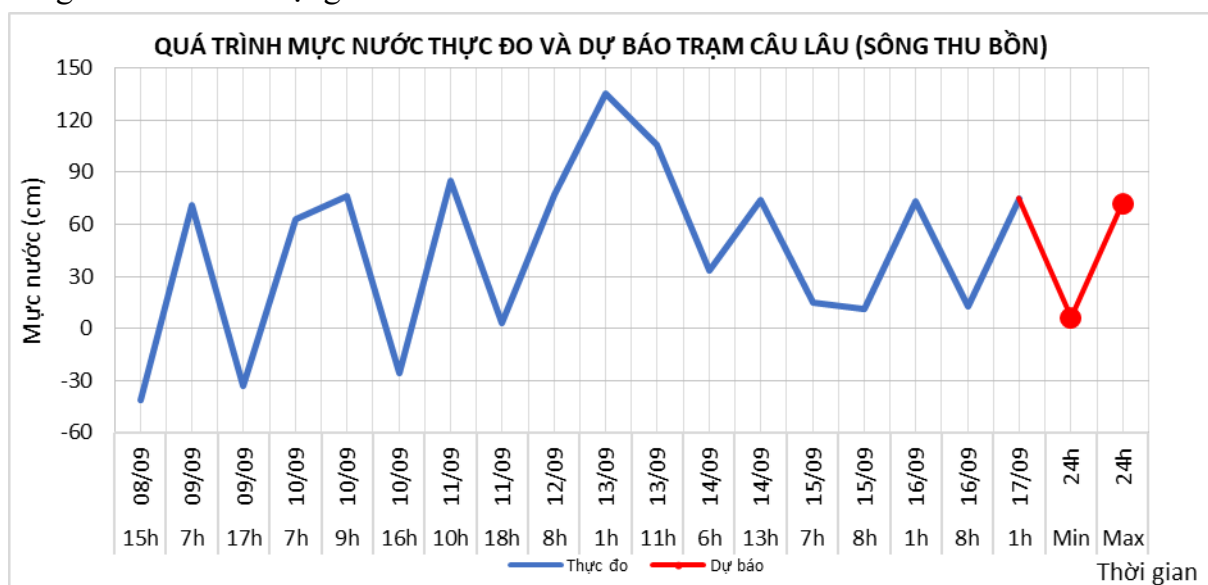
##### 4.1. Sông Vu Gia Thu Bồn

*a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua*

Mực nước trên sông Vu Gia và trung, thượng lưu sông Thu Bồn biến đổi chậm, hạ lưu sông Thu Bồn dao động theo triều.

*b. Dự báo, cảnh báo*

Mực nước trên sông Vu Gia và trung, thượng lưu sông Thu Bồn biến đổi chậm, hạ lưu sông Thu Bồn dao động theo triều.



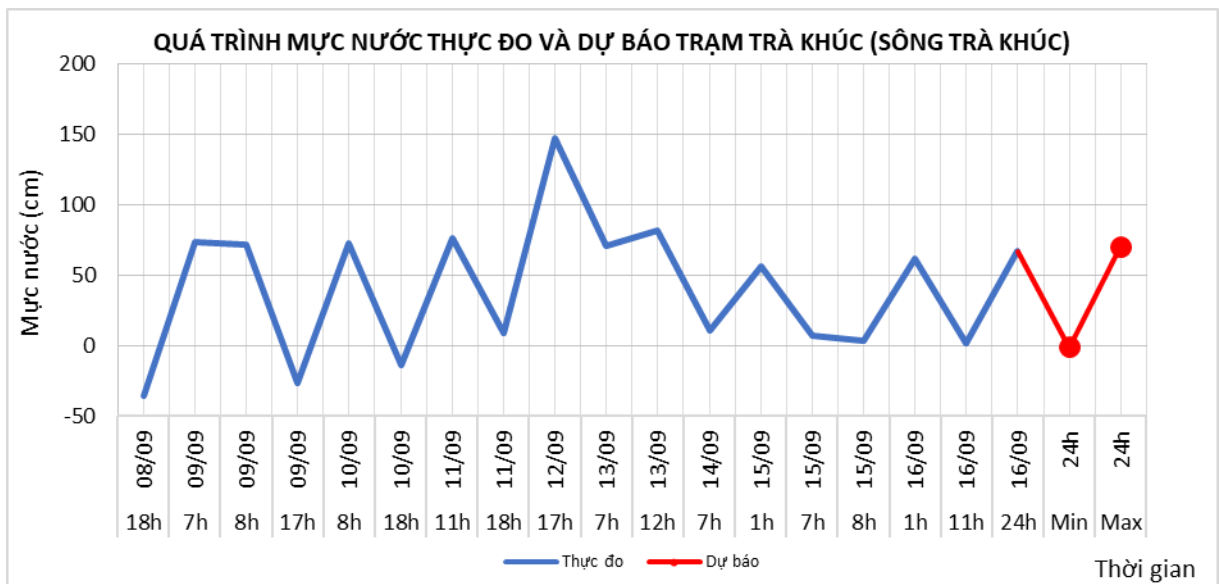
##### 4.2. Sông Trà Khúc

*a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua*

Mực nước thượng lưu sông Trà Khúc biến đổi chậm, hạ lưu dao động theo triều.

*b. Dự báo, cảnh báo*

Mực nước thượng lưu sông Trà Khúc biến đổi chậm, hạ lưu dao động theo triều.



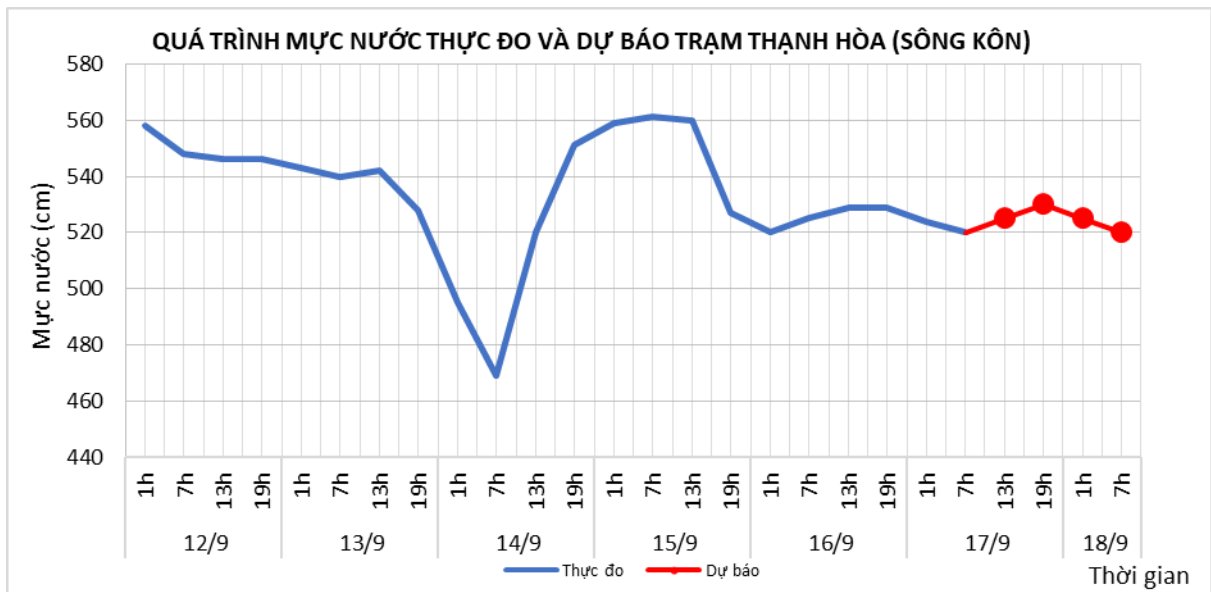
### 4.3. Sông Kôn

#### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước sông Kôn tại trạm Thanh Hòa dao động theo vận hành của công trình thủy lợi.

#### b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Kôn tại trạm Thanh Hòa tiếp tục dao động theo vận hành của công trình thủy lợi.



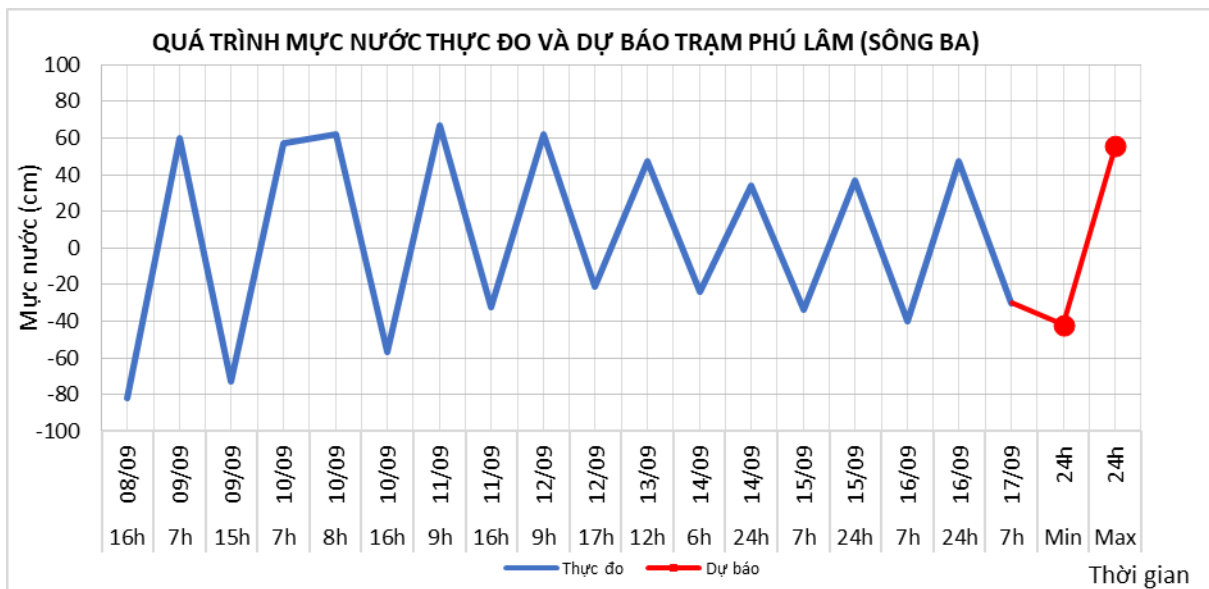
### 4.4. Sông Ba

#### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước hạ lưu sông Ba dao động do chịu ảnh hưởng của điều tiết thủy điện tuyến trên và thủy triều.

#### b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước hạ lưu sông Ba tiếp tục dao động do chịu ảnh hưởng của điều tiết thủy điện tuyến trên và thủy triều.



## 5. Các lưu vực sông thuộc khu vực Đông Nam Bộ

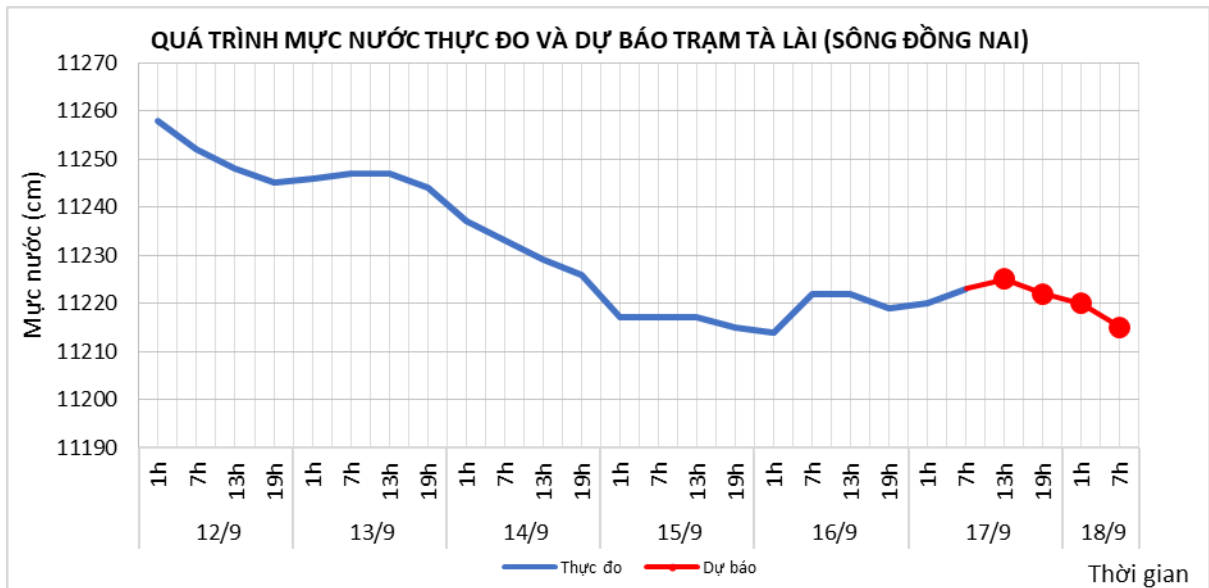
### 5.1. Sông Đồng Nai

#### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Đồng Nai biến đổi chậm. Lúc 07h/17/9, mức nước tại trạm Tà Lài là 112,23m, trên BĐ1 0,23m.

#### b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Đồng Nai tại trạm Tà Lài tiếp tục biến đổi chậm và ở trên mức BĐ1.



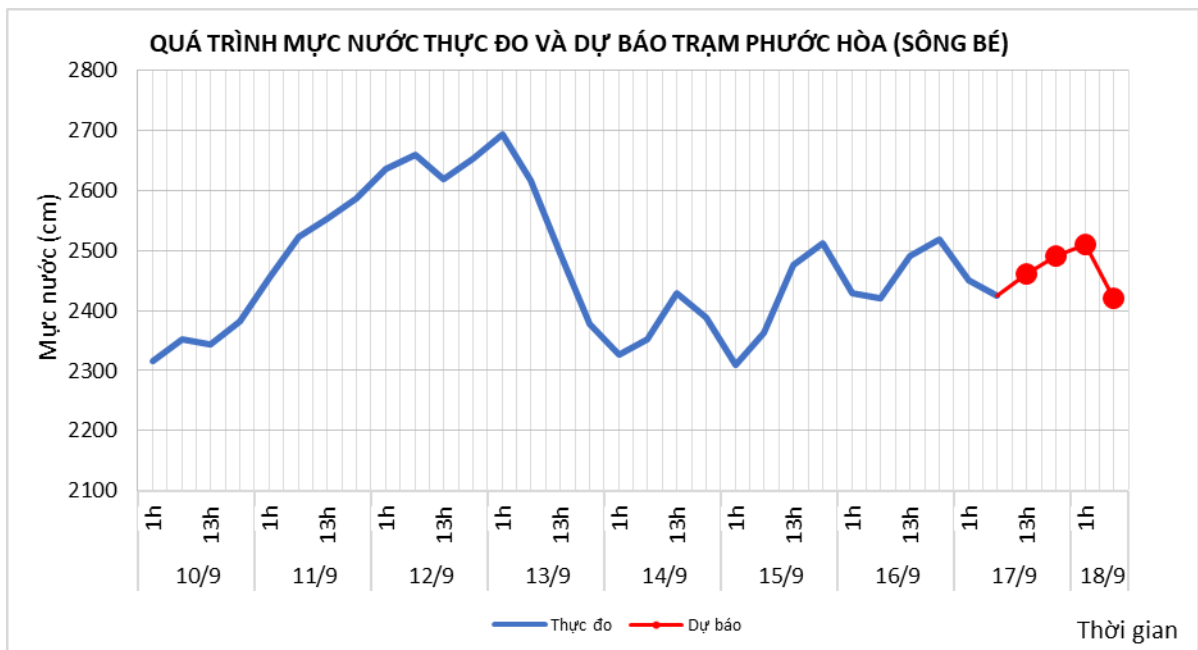
### 5.2. Sông Bé

#### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Bé tại trạm Phước Hòa dao động theo điều tiết của thủy điện phía thượng lưu.

#### b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Bé tại trạm Phước Hòa tiếp tục dao động theo điều tiết của hồ thủy điện thượng lưu.



## 6. Lưu vực sông Mê Công

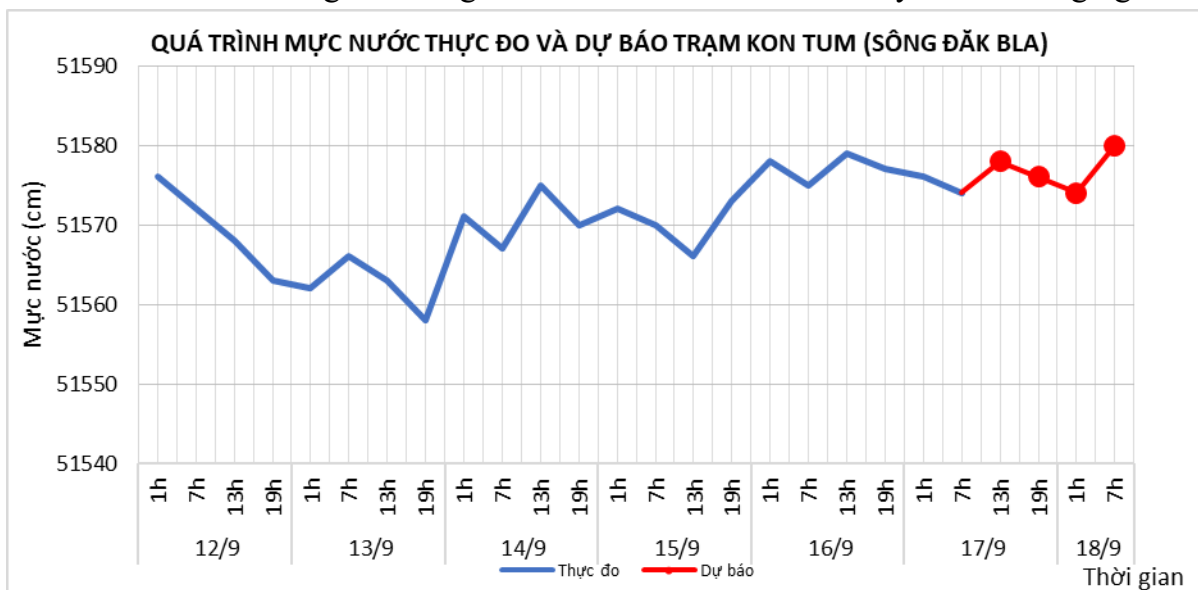
### 6.1. Sông Đắk Bla

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên các sông dao động theo điều tiết của hồ chứa thủy điện thượng nguồn.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên các sông dao động theo điều tiết của hồ chứa thủy điện thượng nguồn.



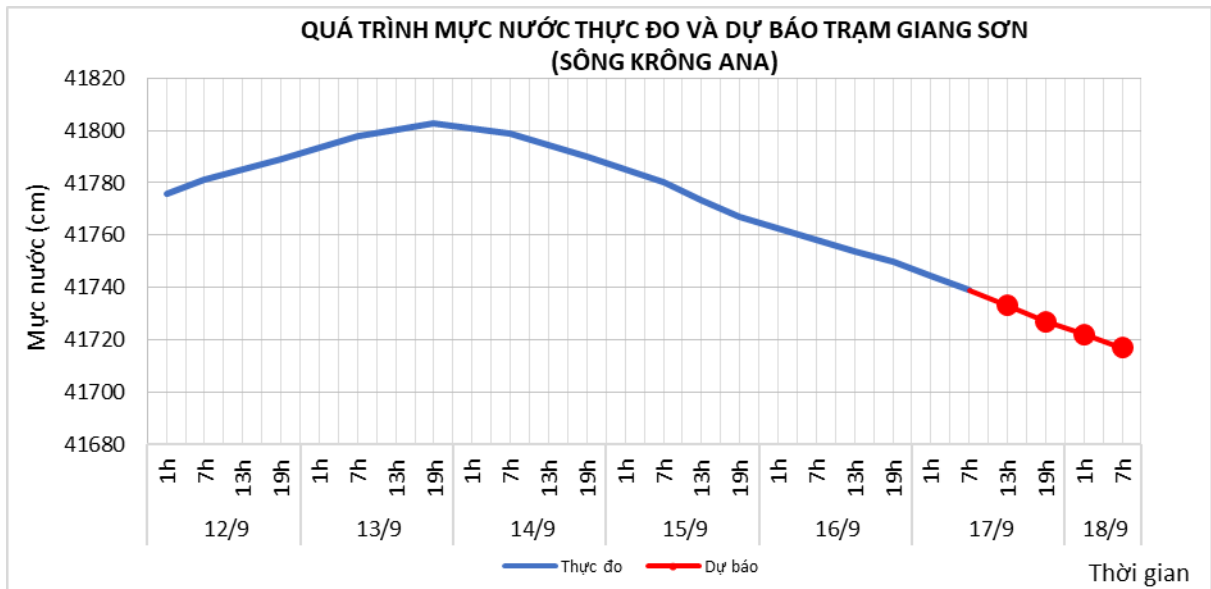
### 6.2. Sông Krông Ana

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước sông Krông Ana xuống dần. Mức nước các sông khác dao động theo điều tiết của hồ chứa thủy điện thượng nguồn.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Krông Ana tiếp tục xuống. Mức nước các sông khác dao động theo điều tiết của hồ chứa thủy điện thượng nguồn.



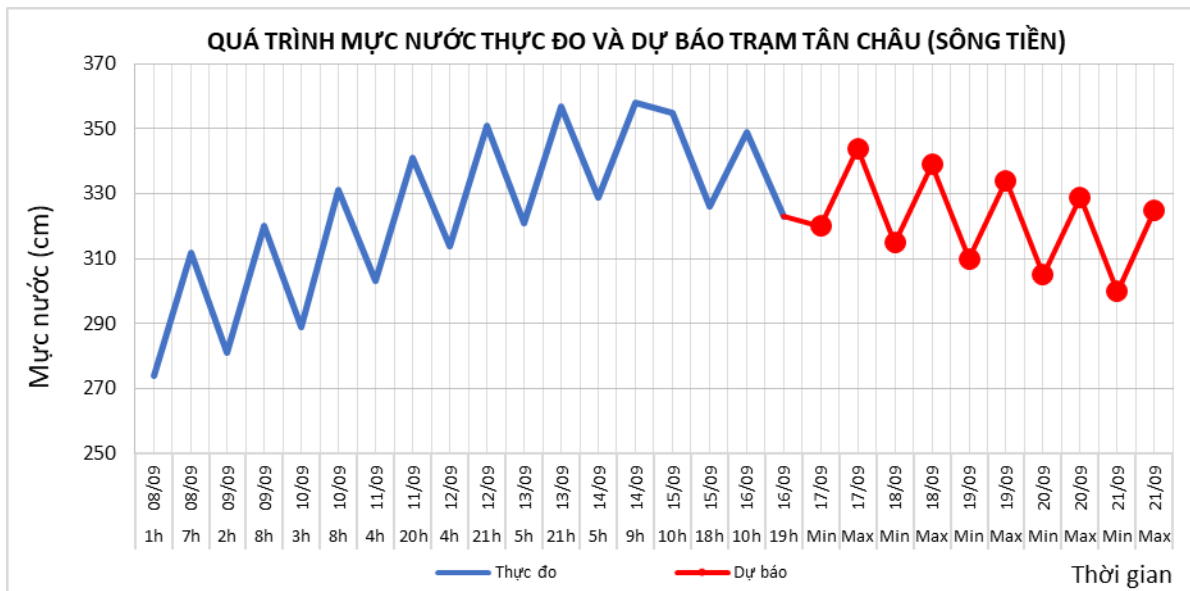
### 6.3. Sông Cửu Long

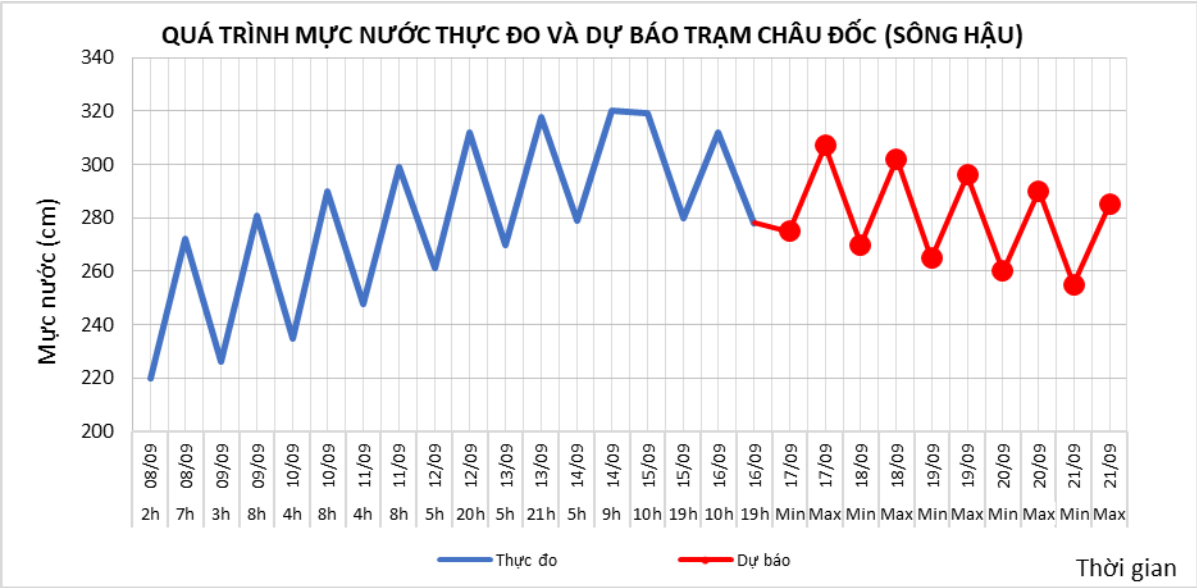
#### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước đầu nguồn sông Cửu Long đang xuống theo triều. Mức nước cao nhất ngày 16/9, trên sông Tiền tại trạm Tân Châu 3,49m, xấp xỉ mức báo động (BD)1, trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc 3,12m, trên BD1 0,12m.

#### b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước đầu nguồn sông Cửu Long tiếp tục xuống theo triều. Đến ngày 21/9, mức nước cao nhất ngày trên sông Tiền tại trạm Tân Châu ở mức 3,25m; trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc ở mức 2,85m.





II. Bảng mực nước, lưu lượng thực đo và dự báo các trạm

| Sông      | Trạm            | Mực nước thực đo (cm) |           |          |          | Mực nước dự báo (cm) |   |           |   |          |   |          |   |           |   |           |   |          |   |          |   |
|-----------|-----------------|-----------------------|-----------|----------|----------|----------------------|---|-----------|---|----------|---|----------|---|-----------|---|-----------|---|----------|---|----------|---|
|           |                 | 13h-16/09             | 19h-16/09 | 1h-17/09 | 7h-17/09 | 13h-17/09            |   | 19h-17/09 |   | 1h-18/09 |   | 7h-18/09 |   | 13h-18/09 |   | 19h-18/09 |   | 1h-19/09 |   | 7h-19/09 |   |
| Đà        | Hồ Hòa Bình (*) | 2421                  | 2899      | 2055     | 2877     | 2500                 | 📉 | 2600      | 📈 | 2000     | 📉 | 2500     | 📈 |           |   |           |   |          |   |          |   |
| Thao      | Yên Bái         | 2800                  | 2838      | 2846     | 2791     | 2780                 | 📉 | 2790      | 📈 | 2800     | 📈 | 2790     | 📉 |           |   |           |   |          |   |          |   |
| Thao      | Phú Thọ         | 1392                  | 1389      | 1379     | 1374     | 1370                 | 📉 | 1380      | 📈 | 1390     | 📈 | 1400     | 📈 |           |   |           |   |          |   |          |   |
| Lô        | Tuyên Quang     | 1420                  | 1444      | 1415     | 1450     | 1445                 | 📉 | 1415      | 📉 | 1390     | 📉 | 1385     | 📉 |           |   |           |   |          |   |          |   |
| Lô        | Vụ Quang        | 531                   | 585       | 650      | 662      | 665                  | 📈 | 675       | 📈 | 645      | 📉 | 610      | 📉 |           |   |           |   |          |   |          |   |
| Hồng      | Hà Nội          | 243                   | 256       | 278      | 298      | 320                  | 📈 | 345       | 📈 | 360      | 📈 | 370      | 📈 | 365       | 📉 | 365       | 👉 | 385      | 📈 | 380      | 📉 |
| Cả        | Nam Đàn         | 273                   | 287       | 296      | 329      | 350                  | 📈 | 365       | 📈 | 385      | 📈 | 400      | 📈 | 415       | 📈 | 430       | 📈 |          |   |          |   |
| Kôn       | Thanh Hòa       | 529                   | 529       | 524      | 520      | 525                  | 📈 | 530       | 📈 | 525      | 📉 | 520      | 📉 |           |   |           |   |          |   |          |   |
| Đồng Nai  | Tà Lài          | 11222                 | 11219     | 11220    | 11223    | 11225                | 📈 | 11222     | 📉 | 11220    | 📉 | 11215    | 📉 |           |   |           |   |          |   |          |   |
| Bé        | Phước Hòa       | 2490                  | 2518      | 2450     | 2424     | 2460                 | 📈 | 2490      | 📈 | 2510     | 📈 | 2420     | 📉 |           |   |           |   |          |   |          |   |
| Đăkbla    | Kon Tum         | 51579                 | 51577     | 51576    | 51574    | 51578                | 📈 | 51576     | 📉 | 51574    | 📉 | 51580    | 📈 |           |   |           |   |          |   |          |   |
| Krông Ana | Giang Sơn       | 41754                 | 41750     | 41746    | 41739    | 41733                | 📉 | 41727     | 📉 | 41722    | 📉 | 41717    | 📉 |           |   |           |   |          |   |          |   |

Ghi chú: (\*):  $Q\ m^3/s$

| Sông      | Trạm            | Thực đo 24h và 36h qua (cm) |   |                    |   | Dự báo 24h và 36h tới (cm) |   |                    |   |
|-----------|-----------------|-----------------------------|---|--------------------|---|----------------------------|---|--------------------|---|
|           |                 | Mực nước cao nhất           |   | Mực nước thấp nhất |   | Mực nước cao nhất          |   | Mực nước thấp nhất |   |
| Cầu       | Đáp Cầu         | 258                         | ↑ | 215                | ↑ | 290                        | ↑ | 260                | ↑ |
| Thương    | Phủ Lạng Thương | 185                         | ↑ | 181                | ↑ | 200                        | ↑ | 160                | ↓ |
| Lục Nam   | Lục Nam         | 172                         | ↑ | 140                | ↑ | 170                        | ↓ | 120                | ↓ |
| Thái Bình | Phả Lại (**)    | 165                         | ↑ | 67                 | ↑ | 165                        | → | 85                 | ↑ |
| Mã        | Giàng (**)      | 535                         | ↑ | 265                | ↑ | 575                        | ↑ | 500                | ↑ |
| La        | Linh Cẩm        | 199                         | ↓ | 145                | ↑ | 200                        | ↑ | 100                | ↓ |
| Gianh     | Mai Hóa         | 116                         | ↓ | -10                | ↓ | 112                        | ↓ | -12                | ↓ |
| Hương     | Kim Long        | 59                          | ↓ | 32                 | ↑ | 55                         | ↓ | 28                 | ↓ |
| Thu Bồn   | Câu Lâu         | 75                          | ↑ | 13                 | ↑ | 72                         | ↓ | 6                  | ↓ |
| Trà Khúc  | Trà Khúc        | 67                          | ↑ | 2                  | ↓ | 70                         | ↑ | -1                 | ↓ |
| Đà Rằng   | Phú Lâm         | 47                          | ↑ | -30                | ↑ | 56                         | ↑ | -42                | ↓ |

Ghi chú: Các trạm (\*\*) lấy giá trị thực đo 36 giờ qua và dự báo 36 giờ tới

| Sông      | Trạm     | Mức nước cao nhất ngày |   |        |   |       |   |       |   |       |   |       |   | Mức nước thấp ngày |   |        |   |       |   |       |   |       |   |       |   |
|-----------|----------|------------------------|---|--------|---|-------|---|-------|---|-------|---|-------|---|--------------------|---|--------|---|-------|---|-------|---|-------|---|-------|---|
|           |          | Thực đo                |   | Dự báo |   |       |   |       |   |       |   |       |   | Thực đo            |   | Dự báo |   |       |   |       |   |       |   |       |   |
|           |          |                        |   | 16/09  |   | 17/09 |   | 18/09 |   | 19/09 |   | 20/09 |   |                    |   | 21/09  |   | 16/09 |   | 17/09 |   | 18/09 |   | 19/09 |   |
| Sông Tiền | Tân Châu | 349                    | 📉 | 344    | 📉 | 339   | 📉 | 334   | 📉 | 329   | 📉 | 325   | 📉 | 323                | 📈 | 320    | 📉 | 315   | 📉 | 310   | 📉 | 305   | 📉 | 300   | 📉 |
| Sông Hậu  | Châu Đốc | 312                    | 📉 | 307    | 📉 | 302   | 📉 | 296   | 📉 | 290   | 📉 | 285   | 📉 | 278                | 📈 | 275    | 📉 | 270   | 📉 | 265   | 📉 | 260   | 📉 | 255   | 📉 |

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 10h30’ ngày 18/09

Tin phát lúc: 10h30’

Người chịu trách nhiệm  
ban hành bản tin



Phùng Tiến Dũng